TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LẬP THẠCH** **TỈNH VĨNH PHÚC**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 37/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 20/8/2021
V/v: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẬP THẠCH – TỈNH VĨNH PHÚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Nga

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Trung Thành

2. Ông Trần Trung

- Thư ký phiên tòa: Bà Khương Thị Phượng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lập Thạch tham gia phiên toà*:* Bà Trần Thị Thúy Nga - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 8 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lập Thạch xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 91/2021/TLST- HNGĐ ngày 16 tháng 7 năm 2021 về việc*: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 91/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 7 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Nguyễn Ngọc T, sinh năm 1980

Nơi ĐKHK: Tổ 4, khu phố I, thị trấn I, huyện G, tỉnh G

Nơi cư trú: Tổ 9, khu phố Tân An, thị trấn T, huyện Đ, tỉnh B, có mặt.

2. Bị đơn: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1982

Nơi cư trú: Thôn C, xã H, huyện L, tỉnh V, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn ngày 15/4/2021 và những lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn là anh Nguyễn Ngọc T trình bày: Anh và chị Nguyễn Thị H kết hôn vào ngày 16 tháng 11 năm 2000, có tìm hiểu, có tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện

L, tỉnh V. Kết hôn xong, chị H về chung sống cùng anh ngay. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2009 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi chửi nhau. Đến năm 2009, vợ chồng sống ly thân nhau cho đến nay, không dàn xếp gì. Nay anh xác định vợ chồng không còn tình cảm, anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị H.

Con chung: Vợ chồng anh có 02 con chung là cháu Nguyễn Thị K, sinh ngày 13/8/2001 và cháu Nguyễn Ngọc Thành N, sinh ngày 22/12/2006, hiện cả hai cháu đang ở cùng chị H. Ly hôn, anh đồng ý để chị H được nuôi dưỡng cháu N, anh cấp dưỡng nuôi cháu N theo yêu cầu của chị H. Đối với cháu K đã trưởng thành nên anh không đề nghị giải quyết.

Tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức: Anh T không đề nghị Tòa án giải quyết

* Bị đơn chị Nguyễn Thị H vắng mặt tại phiên tòa nhưng trong biên bản lấy lời khai ngày 29/7/2021, chị H trình bày: Về thời gian kết hôn, điều kiện kết hôn, thời gian mâu thuẫn như anh T trình bày là đúng, còn nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do anh T có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác, bản thân anh T chơi bời, không chịu làm ăn để lo cho vợ con. Vì vậy, đến năm 2011, chị bỏ về nhà bố mẹ đẻ chị ở thôn C, xã H, huyện L, tỉnh V sinh sống, vợ chồng sống ly thân nhau và cắt đứt mọi quan hệ từ đó cho đến nay, không dàn xếp gì. Nay anh T xin ly hôn, chị xác định cũng không còn tình cảm gì với anh T nên chị đồng ý ly hôn.

Con chung: Chị H xác nhận vợ chồng có 02 con chung như anh T trình bày là đúng. Ly hôn chị xin được nuôi cháu N và đề nghị anh T cấp dưỡng nuôi con cùng chị là 3.000.000đ/tháng, kể từ tháng 8/2021 đến khi cháu đủ 18 tuổi. Đối với cháu H đã trưởng thành nên chị không đề nghị giải quyết.

Tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức: Chị H không đề nghị Tòa án giải quyết.

Ngoài ra, chị Hiền có đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lập Thạch tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án cũng như tại phiên thòa, Thẩm phán, Thư ký Tòa án, Hội đồng xét xử, các đương sự đã chấp hành đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 357 Bộ luật dân sự; Điều 26 Luật thi hành án dân sự, giải quyết cho anh T được ly hôn chị H; con chung: Giao cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu Nguyễn Ngọc Thành N, sinh ngày 22/12/2006, anh T cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị H là 3.000.000đ/tháng, kể từ tháng 8/2021 đến khi cháu N đủ 18 tuổi; về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức: Đương sự không yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết; án phí: Anh T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

Về tố tụng: Căn cứ vào đơn khởi kiện, tài liệu kèm theo đơn khởi kiện của anh Nguyễn Ngọc T và các tài liệu, chứng cứ thu thập trong hồ sơ vụ án. Xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án Hôn nhân và Gia đình là *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"*. Bị đơn trong vụ án là chị Nguyễn Thị H có địa chỉ cư trú tại xã H, huyện L, tỉnh V nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lập Thạch theo quy định tại Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự.

Chị H có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào quy định tại Khoản 1 Điều 227, Khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt chị H nhưng vẫn đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cho chị H theo quy định pháp luật.

Về nội dung vụ án:

[1] Quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa anh Nguyễn Ngọc T và chị Nguyễn Thị H là cuộc hôn nhân tiến bộ, hợp pháp, được xây dựng trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, được tự do tìm hiểu và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Quá trình chung sống, vợ chồng cũng có thời gian hòa thuận, hạnh phúc. Tuy nhiên, do bất đồng quan điểm sống, không tin tưởng, nghi ngờ nhau, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung và không bảo ban được nhau, vi phạm nghĩa vụ vợ chồng. Anh T xin ly hôn, chị H nhất trí ly hôn.

Xét mâu thuẫn của vợ chồng giữa anh T và chị H đã trầm trọng, các bên đã vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của vợ chồng, anh T và chị H đã sống ly thân một thời gian dài, không quan tâm, chăm sóc nhau và làm cho cuộc hôn nhân không có hạnh phúc, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, việc anh T xin ly hôn, chị H nhất trí ly hôn là hoàn toàn tự nguyện, có căn cứ, cần

được chấp nhận theo quy định tại Khoản 1 Điều 51, Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2] Về con chung: Anh T và chị H đều xác nhận vợ chồng có 02 con chung là cháu Nguyễn Thị Khánh H, sinh ngày 13/8/2001 và cháu Nguyễn Ngọc Thành N, sinh ngày 22/12/2006. Các cháu đang ở với chị H. Ly hôn, chị H xin nuôi cháu N và đề nghị anh T cấp dưỡng 3.000.000đ/tháng, anh T nhất trí để chị H nuôi cháu N và anh đồng ý cấp dưỡng nuôi con cùng chị H 3.000.000đ/tháng, kể từ tháng 8/2021 đến khi cháu N đủ 18 tuổi. Quan điểm, ý kiến của cháu N là được ở với chị H.

Xét ý kiến của các bên và nguyện vọng của cháu N, Hội đồng xét xử xác định: Hiện nay cháu N đang ở với chị H, nguyện vọng của cháu là được ở với chị H, anh T cũng nhất trí để chị H trực tiếp nuôi cháu. Vì vậy, cần giao cháu N cho chị H được trực tiếp nuôi dưỡng là có căn cứ; anh T đồng ý cấp dưỡng nuôi cháu N cùng chị H theo yêu cầu của chị H là hoàn toàn tự nguyên nên cần chấp nhận.

Đối với cháu Nguyễn Thị K, sinh ngày 13/8/2001, đã trưởng thành đủ 18 tuổi, các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức: Không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[4] Về án phí: Anh T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 51, Khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 357 Bộ luật dân sự; Điều 26 Luật thi hành án dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

[1] Về Hôn nhân: Xử cho anh Nguyễn Ngọc T được ly hôn chị Nguyễn Thị H.

[2] Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cháu Nguyễn Ngọc Thành N, sinh ngày 22/12/2006. Anh T cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị H 3.000.000đ/tháng, kể từ tháng 8/2021 đến khi cháu N đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn, bên không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung theo quy định, không ai được cản trở.

Kể từ ngày chị H có đơn đề nghị thi hành án, nếu anh T không thực hiện nghĩa vụ thanh toán thì còn phải chịu một khoản tiền lãi theo mức lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự.

[3] Án phí: Anh Nguyễn Ngọc T phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000đ án phí cấp dưỡng nuôi con nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo biên lai số: 0001815 ngày 16/7/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Lập Thạch. Anh T còn phải nộp tiếp số tiền 300.000đ.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án đương sự có quyền kháng cáo lên Tòa án cấp trên để yêu cầu xét xử phúc thẩm. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại nơi cư trú.

Trong trường hợp quyết định này được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *VKSND huyện Lập Thạch;*
- *Chi cục THADS Lập Thạch;*
- *UBND xã N;*
- *Đương sự;*
-*Lưu: Hồ sơ, Văn phòng.*

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Lê Thị Nga